

**TÒA ÁN NH DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 104/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2019

“V/v Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm Nh dân:

1. Ông Bùi Văn Vinh.

2. Ông Điều Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trần Thùy Trang – Thư ký Tòa án Nh dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát Nh dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: ông Hoàng Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nh dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1997.

Hộ khẩu: tổ 6, ấp 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đ

Địa chỉ liên lạc: xã Ph, huyện N, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ 6, ấp 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đ.

(bà A có đơn xin vắng mặt, ông H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà A trình bày:*

Về hôn Nh: bà và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nh dân xã Suối Nho, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên Nh do sau khi bà sinh con xong thì vì hoàn cảnh kinh tế nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả và hai vợ chồng bà ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay bà

nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn Nh không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: bà và ông H có 01 con chung là Nguyễn Trần Đức Nh, sinh ngày 20/7/2016. Hiện tại cháu Nh đang sống chung với ông H. Ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được tổng đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.*

**Ý kiến của Kiểm sát viên:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông H đã trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A; Về con chung: giao 01 con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà A không phải cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: bị đơn ông Nguyễn Văn H cư trú tại: tổ 6, ấp 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nh dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

[2]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc A có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về quan hệ hôn Nh: bà A và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân tổ 6, ấp 3, xã S, huyện Đ, tỉnh Đ vào ngày 07/10/2015 trên cơ sở tự nguyện, căn cứ Luật Hôn Nh và Gia đình 2014 hôn Nh giữa bà A và ông H là hôn Nh hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay bà A có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông H nên Tòa án áp dụng Luật Hôn Nh và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông H xảy ra từ năm 2016, nguyên Nh do sau khi bà A sinh con hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa bà A và ông H cả hai đã tìm cách hòa giải khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ chung sống nhưng không có kết quả, hai vợ chồng ly thân với nhau từ đầu năm 2017 đến nay.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố

tụng theo quy định nhưng ông H vẫn vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông H không quan tâm đến quan hệ hôn Nh của mình.

Qua xác minh tại địa phương thì đại diện địa phương cho biết vợ chồng bà A và ông H sống hạnh phúc được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh do sau khi bà A sinh con hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc nên từ năm 2017 bà A bỏ về bên bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay.

Vì vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn Nh không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà A, bà A được ly hôn với ông H.

[4]Về con chung: hai vợ chồng bà A ông H có 01 con chung là Nguyễn Trần Đức Nh, sinh ngày 20/7/2016. Hiện tại cháu Nh đang sống chung với ông H. Ly hôn bà A tự nguyện giao cháu Nh cho ông H nuôi dưỡng nên được ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con bà A không cấp dưỡng.

[5]Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]Về án phí hôn Nh và gia đình sơ thẩm: bà A phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7]Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 89, Điều 131 của Luật Hôn Nh và Gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc A.

- Về quan hệ hôn Nh: bà Trần Thị Ngọc A được ly hôn ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: giao 01 con chung là Nguyễn Trần Đức Nh, sinh ngày 20/7/2016 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà A được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

-Về án phí: bà Trần Thị Ngọc A phải nộp 300.000đ án phí hôn Nh gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002456 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã S;
- VKS ND huyện Định Quán;
- THA DS huyện Định Quán;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Đại